

## ***Bài 4.* LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM. CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG**

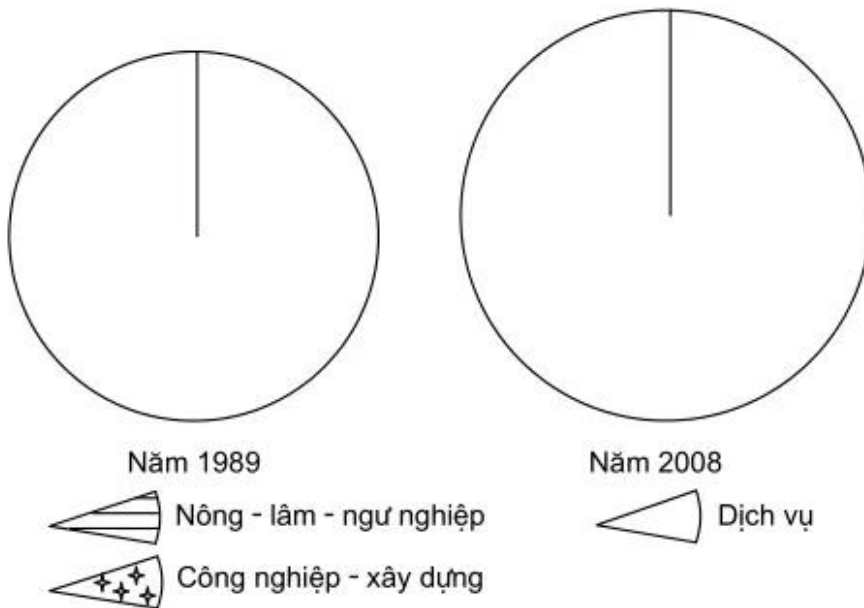
**Câu 1.** Căn cứ vào bảng 4.1:

**Bảng 4.1. CƠ CẤU LAO ĐỘNG ĐANG LÀM VIỆC TẠI THỜI ĐIỂM 1/7 HÀNG NĂM THEO NGÀNH KINH TẾ Ở NƯỚC TA, NĂM 1989 VÀ 2008**

(Đơn vị: %)

<b>Khu vực</b>	<b>Năm</b>	
	<b>1989</b>	<b>2008</b>
Nông - lâm - ngư nghiệp	71,5	52,6
Công nghiệp - xây dựng	11,2	20,8
Dịch vụ	17,3	26,6

a) Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu lao động theo ngành ở nước ta năm 1989 và năm 2008.



Biểu đồ cơ cấu lao động theo ngành ở nước ta, năm 1989 và năm 2008

b) Căn cứ vào biểu đồ, hãy nhận xét về cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu lao động theo ngành ở nước ta từ 1989 đến 2008.

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 2.** Dựa vào bảng 4.2:

**Bảng 4.2. CƠ CẤU SỬ DỤNG LAO ĐỘNG PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ Ở NƯỚC TA QUA CÁC NĂM**

(Đơn vị: %)

Năm	2000	2004	2006	2008
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0
Khu vực Nhà nước	9,3	9,9	9,1	9,1
Các khu vực khác	90,7	90,1	90,9	90,9

Nhận xét về sự thay đổi trong sử dụng lao động theo thành phần kinh tế ở nước ta và ý nghĩa của sự thay đổi đó.

.....

.....

.....  
.....  
.....  
.....  
**Câu 3.** Dựa vào bảng 4.3:

**Bảng 4.3. TỈ LỆ THẤT NGHIỆP VÀ TỈ LỆ THIẾU VIỆC LÀM CỦA LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG TRONG ĐỘ TUỔI Ở NƯỚC TA, NĂM 2008**

(Đơn vị: %)

	Tỉ lệ thất nghiệp		Tỉ lệ thiếu việc làm	
	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn
Cả nước	4,25	1,53	2,34	6,10
Đồng bằng sông Hồng	5,35	1,29	2,13	8,23
Đồng bằng sông Cửu Long	4,12	2,35	3,59	7,11

Nhận xét tình hình thất nghiệp và thiếu việc làm ở thành thị và nông thôn của cả nước, Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 4.** Căn cứ vào bảng 4.4:

**Bảng 4.4. THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI TRÊN THÁNG THEO GIÁ THỰC TẾ CỦA CẢ NƯỚC, NĂM 2006**

(Đơn vị: nghìn đồng)

Vùng	Cả nước	Thành thị	Nông thôn
Thu nhập	636	1058	506

Nhận xét sự chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người giữa thành thị và nông thôn so với trung bình cả nước.

.....  
.....  
.....

Câu 5. Dựa vào bảng 4.5:

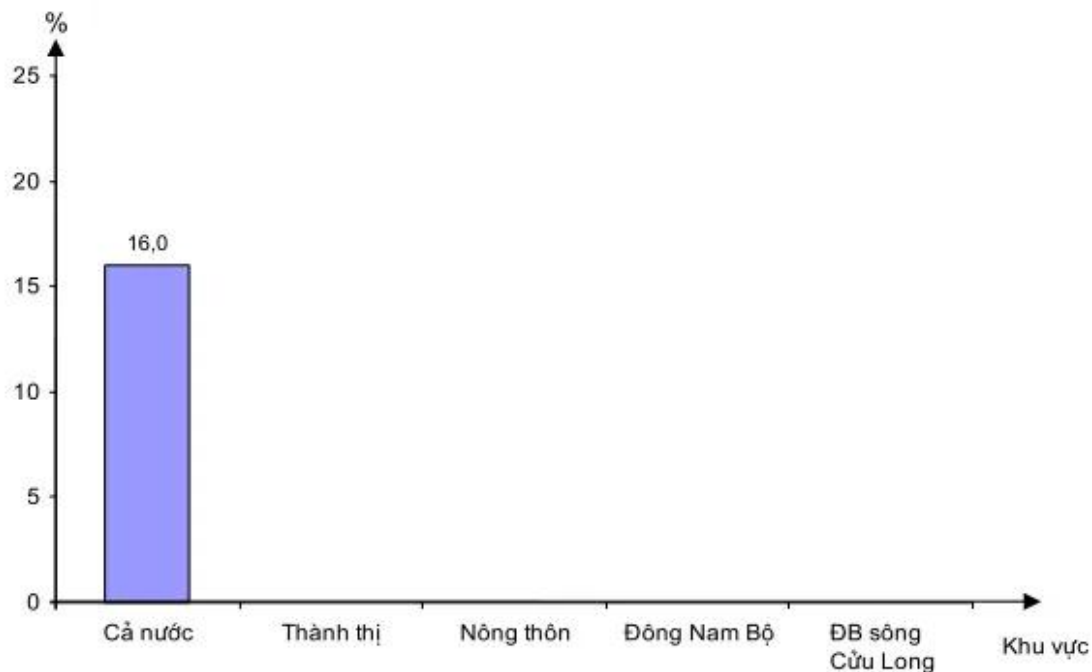
Bảng 4.5. TỈ LỆ HỘ NGHÈO PHÂN THEO THÀNH THỊ, NÔNG THÔN VÀ PHÂN THEO VÙNG Ở NƯỚC TA, NĂM 2008

(Đơn vị: %)

Khu vực	Cả nước	Thành thị	Nông thôn	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
Tỉ lệ hộ nghèo	16,0	3,9	20,4	3,8	10,3

Em hãy:

- a) Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ lệ hộ nghèo của cả nước, thành thị, nông thôn, của Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.



Biểu đồ tỉ lệ hộ nghèo của cả nước và một số vùng nước ta, năm 2008

- b) Qua biểu đồ nêu nhận xét về sự chênh lệch về tỉ lệ hộ nghèo giữa thành thị và nông thôn, giữa Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

.....  
.....  
.....